

Số: /2024/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo

Căn cứ Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

Điều 1. Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

2. Danh mục bệnh hiểm nghèo ban hành kèm theo Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại:

a) Nghị định số 140/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc;

b) Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

d) Thông tư số 26/2014/TT-BQP ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo, Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày để thực hiện chế độ, chính sách trong quân đội;

đ) Danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 Luật Bảo hiểm y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số 51/2024/QH15.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KCB, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Thuấn

DANH MỤC BỆNH HIỂM NGHÈO
ĐỂ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN, PHÂN PHỐI
VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN
HỖ TRỢ BỆNH NHÂN MẮC BỆNH HIỂM NGHÈO

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BYT
ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên bệnh*	Mã bệnh	Ghi chú
1.	Viêm màng não và viêm não màng não do Listeria	A32.1	Mức độ nặng
2.	Nhiễm khuẩn huyết	A32.7; A39; A40; A41	Mức độ nặng, phải sử dụng kỹ thuật như lọc máu, tim phổi nhân tạo
3.	Bệnh bại liệt cấp	A80	Có di chứng, không có khả năng phục hồi
4.	Bệnh HIV dẫn đến bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng/ gây u ác tính/ dẫn đến các bệnh xác định khác/ bệnh lý khác	B20 đến B23	HIV giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội, không có khả năng tự chăm sóc bản thân
5.	U ác tính	C00 đến C97	Giai đoạn cuối
6.	Thiếu máu tan máu mắc phải	D59 (từ D59.0 đến 59.5)	Có biến chứng
7.	Các thể suy tủy xương khác	D61 (từ D61.0 đến D61.3; từ D61.8 đến D61.9)	Có biến chứng
8.	Ban xuất huyết giảm tiểu cầu vô căn	D69.3	Trường hợp không đáp ứng với điều trị thông thường
9.	Các bệnh của tổ chức lympho-liên võng và (tổ chức bào) mô bào-liên võng xác định khác	D76 (từ D76.0 đến D76.2)	Mức độ nặng
10.	Suy giảm miễn dịch kết hợp	D81	

STT	Tên bệnh*	Mã bệnh	Ghi chú
11.	Bệnh đái tháo đường phụ thuộc insuline	E10.5 đến E10.8	Có biến chứng nặng ở các cơ quan đích (mắt, tim, thận, mạch máu) gây ảnh hưởng đến sức khỏe nghiêm trọng, cần người giúp đỡ thường xuyên
12.	Bệnh đái tháo đường type 2 có biến chứng	E11.7	Có biến chứng nặng ở các cơ quan đích (mắt, tim, thận, mạch máu) gây ảnh hưởng đến sức khỏe nghiêm trọng, cần có người giúp đỡ thường xuyên
13.	Suy tuyến yên	E23.0	Suy đa tuyến sau phẫu thuật u tuyến yên
14.	Sa sút trí tuệ	F01 đến F03	Tình trạng sa sút trí tuệ nặng, mất trí nhớ hoàn toàn, phải chăm sóc y tế liên tục, thường xuyên
15.	Viêm não, viêm tủy và viêm não- tủy	G04	Mức độ nặng
16.	Teo cơ do tổn thương tủy sống và hội chứng liên quan	G12	
17.	Bệnh Parkinson	G20	Bệnh Parkinson giai đoạn di chứng, phải có người chăm sóc y tế
18.	Xơ cứng rải rác	G35	Mức độ nặng, tổn thương đa cơ quan
19.	Động kinh cơn lớn, không đặc hiệu (kèm hay không có cơn nhỏ)	G40.6	Động kinh kháng thuốc
20.	Nhược cơ	G70.0	Trường hợp không đáp ứng điều trị thông thường
21.	Liệt nửa người	G81	
22.	Liệt hai chân và liệt tứ chi	G82	

STT	Tên bệnh*	Mã bệnh	Ghi chú
23.	Mù hai mắt	H54.0	
24.	Câm điếc	H91.3	Bẩm sinh
25.	Nhồi máu cơ tim cấp/ tiến triển	I21; I22	
26.	Tăng áp động mạch phổi	I27.0; I27.2	Mức độ nặng
27.	Suy tim	I50	Suy tim độ 3, độ 4
28.	Đột quỵ (tai biến mạch máu não)	I64	Mức độ nặng, phải can thiệp mạch
29.	Suy gan	K72	Mức độ nặng
30.	Xơ gan	K74	Giai đoạn mất bù
31.	Viêm tụy mạn tính tái phát	K86.1	Mức độ nặng
32.	Lupus ban đỏ hệ thống	M32	Có biến chứng, không đáp ứng với điều trị thường quy
33.	Hội chứng thận hư	N04	Thử kháng thuốc
34.	Bệnh thận mạn tính	N18.4; N18.5	Giai đoạn 4, 5
35.	Suy đa tạng	R65.1; R65.3	
36.	Bồng độ ba	T20.3; T21.3; T22.3; T24.3; T25.3	
37.	Tình trạng ghép tạng	Z94	
38.	Thận nhân tạo chu kỳ	Z99.2	

Ghi chú: *Tên bệnh kèm theo mã bệnh và ghi chú.